

YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN NHU CẦU DU LỊCH HỌC TẬP CỦA HỌC SINH: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI TRUNG TÂM NÔNG NGHIỆP MÙA XUÂN VÀ KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN LUNG NGỌC HOÀNG

Trần Thanh Tuyền¹, Ngô Thị Thanh Trúc^{2*}

¹*Thạc sĩ ngành Quản trị Kinh doanh, Khoa Kinh tế, Trường đại học Cần Thơ*

²*Khoa Kinh tế, Trường đại học Cần Thơ*

Email : nttruc@ctu.edu.vn*

Ngày gửi bài: 03.07.2017

Ngày chấp nhận: 11.09.2017

TÓM TẮT

Nghiên cứu này phân tích yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch học tập của học sinh thành phố Cần Thơ và tỉnh Hậu Giang tại Trung tâm nông nghiệp Mùa Xuân và khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng. Các yếu tố ảnh hưởng đến du lịch học tập được đo lường và xác định thông qua kiểm định hệ số tin cậy Cronbach's Alpha, phân tích thành phần chính (PCA) và mô hình hồi quy Binary Logistic. 20 giáo viên và 400 học sinh đã được phỏng vấn trực tiếp nhằm lấy ý kiến về du lịch học tập cũng như thiết kế các chuyến du lịch dự kiến. Các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch học tập là loại hình du lịch học tập, hoạt động giáo dục môi trường của nhà trường và kiến thức về môi trường của học sinh, kỳ vọng của học sinh đối với khu du lịch, mục đích du lịch học tập và kinh nghiệm du lịch sinh thái của học sinh. Ngoài ra, giới tính, học lực, nơi sinh sống của học sinh và khối lớp 12 cũng ảnh hưởng đến lựa chọn loại hình du lịch học tập. Vận dụng các yếu tố trên sẽ giúp cho ban quản lý hai điểm đến khai thác tốt hơn hình thức du lịch học tập. Ngoài ra, thông tin về chương trình du lịch học tập tại hai điểm đến cần được giới thiệu rộng rãi đến các trường phổ thông. Thực hiện ký kết chính thức với các trường về tổ chức các chuyến du lịch học tập và thường xuyên cập nhật các yêu cầu đặt biệt của các trường và học sinh để khai thác hiệu quả hơn hình thức du lịch học tập.

Từ khóa: Du lịch học tập, Trung tâm nông nghiệp Mùa xuân, khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng

Factors Affecting Demand of Educational Tourism to Pupils: Case Study in Mua Xuan Agricultural Center and Lung Ngoc Hoang Nature Reserve

ABSTRACT

This study aimed to identify factors influencing pupils' demand on educational tourism in Can Tho city and Hau Giang province at the Mua Xuan Agricultural Center and Nature Reserve Lung Ngoc Hoang. The influencing factors were measured and tested by Cronbach alpha, Principal Component Analysis (PCA) and Binary Logistic regression. 20 teachers and 400 pupils at junior high schools and senior high schools in Can Tho city and Hau Giang province were interviewed to identify their demand on educational tourism, factors affecting their demand as well as design expected educational tours. The results of analysis revealed the factors affecting pupils' choice on educational tours, namely types of educational tourism, activities related to environment organized by schools and pupils' knowledge and attitude on environment, pupils' expectation on the tourist sites, pupils' purposes for their tours and their experience on ecotourism. Besides, pupils' gender, grade, living location and pupils in grade 12 also affect their choice in educational tours. Mua Xuan Agricultural Center and Lung Ngoc Hoang National Reserve can organize educational tourism by applying those factors. Introducing educational tours, regularly collecting detailed demand from schools and pupils and making contracts with schools every year should be implemented to exploit effectively educational tourism in the two study sites.

Keywords: educational tourism, the Center for Agricultural Mua Xuan, Nature Reserve Lung Ngoc Hoang

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Du lịch học tập là loại hình du lịch trong đó người tham gia du lịch đến một địa điểm cụ thể với mục đích chính là học tập những kiến thức có liên quan tại điểm đến, bao gồm du lịch sinh thái, du lịch di sản, du lịch nông thôn/ nông trại, trao đổi sinh viên (Bhuiyan *et al.*, 2010). Du lịch học tập đến khu du lịch sinh thái đang được các trường học cũng như công ty du lịch hướng tới nhằm tạo điều kiện cho học sinh tiếp xúc thực tế (Lâm Vũ, 2016; MTV Travel, 2017). Bởi lẽ, trong điều kiện học tập ở Việt Nam, đặc biệt ở các thành phố lớn, học sinh phổ thông ít có điều kiện tiếp xúc với thực tế sau giờ học. Do đó, việc tổ chức các tour du lịch học tập cho học sinh là rất cần thiết nhằm tạo cho học sinh tìm được sự thích thú trong việc học và thông qua chuyến tham quan thực tế đến khu du lịch sinh thái có thể giáo dục học sinh về giá trị môi trường và ý thức bảo vệ môi trường. Câu hỏi đặt ra là học sinh có ưa thích loại hình du lịch học tập hay không và yếu tố gì ảnh hưởng đến nhu cầu học tập của học sinh.

Để tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch học tập, nhóm tác giả đã chọn hai điểm đến để nghiên cứu thử nghiệm là khu bảo tồn thiên nhiên (KBTTN) Lung Ngọc Hoàng và trung tâm Nông nghiệp (TTNN) Mùa Xuân. Hai điểm đến trên được lựa chọn vì họ đã được tỉnh Hậu Giang ủng hộ và cho phép khai thác du lịch (Quyết định số 2473/2011/QĐ-TTg) và đang chuẩn bị kế hoạch khai thác du lịch. TTNN Mùa Xuân và KBTTN Lung Ngọc Hoàng nằm trong hệ thống rừng đặc dụng quốc gia Việt Nam, là hệ sinh thái rừng trên đất ngập nước tiêu biểu của tỉnh Hậu Giang. Khai thác du lịch, đặc biệt là du lịch học tập tại hai điểm đến trên nhằm vừa thực hiện nhiệm vụ quảng bá, chia sẻ thông tin, kiến thức về nguồn tài nguyên đất ngập nước của hai điểm đến cho khách du lịch, vừa góp phần tạo thu nhập để hỗ trợ cho hoạt động bảo vệ hai điểm đến trên. Nghiên cứu này cũng giúp cung cấp thông tin cho ban quản lý thiết kế kế hoạch khai thác du lịch học tập phù hợp cho học sinh.

2. LƯỢC KHẢO TÀI LIỆU

Du lịch học tập là hình thức du lịch mà khách du lịch vừa được đi du lịch, vừa học được nội dung học tập có chủ đích trong chuyến đi đó. Như vậy, nhu cầu du lịch học tập của khách du lịch phụ thuộc các yếu tố về nhu cầu du lịch thông thường và du lịch học tập. Khách lựa chọn hình thức du lịch học tập có thể là học sinh tiểu học, học sinh phổ thông, sinh viên đại học và khách du lịch thông thường. Loại hình du lịch học tập phổ biến là du lịch sinh thái, du lịch gắn với thiên nhiên và văn hóa. Phát triển du lịch học tập giúp khách du lịch/người học vừa được đi du lịch vừa đạt được mục tiêu giáo dục, tuyên truyền bảo vệ tài nguyên môi trường một cách bền vững (Ritchie, 2003; Lê Huy Bá, 2000). Theo các nghiên cứu đã xuất bản, du lịch học tập phụ thuộc vào các nhóm yếu tố như đặc điểm cá nhân của du khách, mối quan tâm, hiểu biết và thái độ về môi trường của du khách, động cơ du lịch của du khách và các yếu tố bên ngoài như ảnh hưởng của gia đình, bạn bè và nhà trường về chuyến du lịch và thông tin du lịch (điểm đến) (Lê Huy Bá, 2000; Ritchie, 2003; Sander, 2012; Poupineau & Pouzadoux, 2013).

Đặc điểm cá nhân của khách du lịch ảnh hưởng rất lớn đến nhu cầu du lịch và lựa chọn hình thức du lịch của họ (Ritchie, 2003; Sander, 2012; Poupineau & Pouzadoux, 2013; Dolnicar, 2010). Các đặc điểm cá nhân ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch mà các tác giả trên đã chỉ ra gồm giới tính, tuổi, trình độ học vấn, nghề nghiệp, nơi ở và thu nhập. Ngoài ra, học lực, xuất xứ gia đình, cấp học là các yếu tố đặc thù cho đối tượng khách du lịch học sinh phổ thông, (Ritchie, 2003).

Nhóm đặc điểm thứ hai ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch học tập là mối quan tâm về môi trường, về tự nhiên của khách du lịch hay người học (Ritchie, Dolnicar, 2010; Đinh Kiệt, 2013; Stroble, 2015). Khách du lịch có mối quan tâm về môi trường sẽ có hành vi thân thiện với khu du lịch (Dolnicar, 2010). Họ cũng có nhu cầu nhiều hơn về loại hình du lịch sinh thái (Strobl, 2005) và hòa đồng với thiên nhiên (Đinh Kiệt, 2013). Có thể thấy, sự quan tâm về môi trường

là một trong những nhân tố có ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch sinh thái của khách du lịch cũng như du lịch học tập của người học hay học sinh phổ thông.

Hiểu biết, thái độ và nhận thức về ý nghĩa của hình thức du lịch sẽ ảnh hưởng tích cực đến lựa chọn và hành vi của khách du lịch (Nguyen & Pham, 2015; Lee & Moscardo, 2005; Trobl, 2005; Ritchie & Coughlan, 2004), đặc biệt là học sinh. Trong khi đó, một trong các nhiệm vụ của các khu bảo tồn trong khai thác du lịch nhằm mục tiêu giáo dục môi trường cho khách du lịch. Vì vậy, nếu học sinh hiểu được ý nghĩa học tập từ các khu bảo tồn, họ sẽ ưa thích tham gia các chuyến du lịch học tập ở các khu bảo tồn hơn.

Động cơ đi du lịch cũng có ảnh hưởng rất lớn đến quyết định đi du lịch của du khách hay học sinh (Strobl *et al.*, 2015; Sander, 2012; Sangpikul, 2008). Mong muốn được khám phá, trải nghiệm với thiên nhiên, thấy cảnh quan đẹp hay muốn tìm hiểu động vật hoang dã là những động cơ muốn đi du lịch của sinh viên (Sander, 2012). Hầu hết các động cơ du lịch bắt nguồn từ những mong muốn nội tại và vô hình của con người, bao gồm những mong muốn trốn chạy, tìm kiếm sự mới lạ, tìm kiếm sự phiêu lưu mạo hiểm, thực hiện ước mơ, nghỉ ngơi, thư giãn và sức khỏe (Sangpikul, 2008).

Theo Poupineau và Pauzadoux (2013) và Kim *et al.* (2010), thông tin về điểm đến và các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến lựa chọn hay quyết định của du khách cũng như của học sinh; khách du lịch thường tham khảo ý kiến bạn bè, gia đình hoặc các trang mạng để từ đó đưa ra sự lựa chọn điểm đến của họ. Sander (2012) cho rằng việc được nhà trường tư vấn, hướng dẫn những nơi đến sẽ giúp cho các bạn học sinh, sinh viên có thêm nhiều sự lựa chọn cho việc du lịch học tập. Tóm lại, động cơ học tập của học sinh không chỉ phụ thuộc vào động cơ cá nhân mà còn phụ thuộc vào động cơ xã hội, điều đó được thể hiện qua sự ảnh hưởng của gia đình, bạn bè, nhà trường và xã hội.

Tác giả của các nghiên cứu trên đã kết luận để thu hút khách du lịch cũng như phát triển du lịch thì cần phải biết được nhu cầu của khách du

lịch, ví dụ như họ là ai, họ có những động cơ gì và nhu cầu của họ ra sao. Ngoài ra, đối với du lịch học tập thì sự tác động từ nhà trường, gia đình, bạn bè (gọi chung là yếu tố bên ngoài) có ảnh hưởng đến quyết định của học sinh. Kế thừa các tài liệu lược khảo, nhóm tác giả đã phát triển 50 câu phát biểu từ hai thang đo Likert 5 mức độ về loại hình du lịch học tập, mục đích học tập của học sinh, nhận thức và kinh nghiệm của học sinh về du lịch học tập hay du lịch sinh thái, kỳ vọng của học sinh về điểm du lịch, kiến thức, thái độ của học sinh về môi trường và các hoạt động về môi trường của nhà trường và các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến du lịch học tập (người thân, bạn bè, các phương tiện truyền thông, nhà trường, thông tin từ điểm đến). Các câu phát biểu trên đầu tiên được kiểm định bằng hệ số tin cậy Cronbach's Alpha và phương pháp phân tích thành phần chính (PCA) để xác định nhóm nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch học tập của học sinh. Sau đó, các nhóm nhân tố này và các đặc điểm của học sinh sẽ được kiểm định mức độ ảnh hưởng với lựa chọn tour du lịch học tập (do nhóm nghiên cứu thiết kế) của học sinh qua mô hình hồi quy Binary logistic.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Phương pháp nghiên cứu

Mục tiêu của đề tài nhằm tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến học tập du lịch của học sinh cấp 2 và 3. Điểm đến đánh giá thí điểm là KNTNN Lung Ngọc Hoàng và TTNN Mùa Xuân tại tỉnh Hậu Giang. Vì vậy, nhóm tác giả đã chọn hai trường cấp 2 và hai trường cấp 3 (ở Hậu Giang, gần 2 điểm đến và Cần Thơ, cách điểm đến khoảng 40 km) nhằm so sánh khoảng cách/vị trí trường và điểm đến và đối tượng học sinh phổ thông ảnh hưởng như thế nào đến đánh giá của giáo viên và học sinh về nhu cầu du lịch học tập.

Thiết kế nghiên cứu hỗn hợp theo hướng khám phá đã được thực hiện. Nghiên cứu định tính được tiến hành trước nhằm khám phá và tìm hiểu về đặc điểm giảng dạy và học tập của học sinh, nhu cầu học hỏi, tham quan thực tế và

Yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch học tập của học sinh: Nghiên cứu trường hợp tại trung tâm nông nghiệp Mùa Xuân và khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng

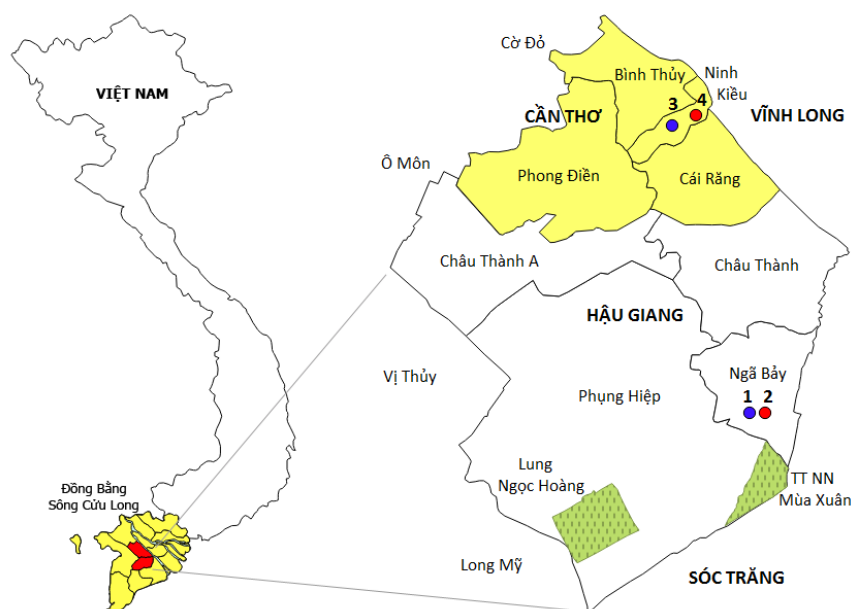
thiết kế các tour du lịch học tập dự kiến với 20 giáo viên của bốn trường bằng dần ý hỏi (checklist). Giáo viên đã trả lời phỏng vấn gồm

giáo viên chủ nhiệm các lớp được chọn, đại diện ban giám hiệu và giáo viên dạy môn sinh học và địa lý.

Bảng 1. Số lượng học sinh tham gia phỏng vấn trong nghiên cứu

| Tên trường | Đối tượng | Số học sinh (N) | | Số quan sát (n) | |
|---|-------------|-----------------|--------------|-----------------|---------|
| | | Số lượng | Tỷ trọng (%) | Theo công thức* | Thực tế |
| Trường THCS Đoàn Thị Điểm - Cần Thơ | Khối lớp 6 | 731 | 26,6 | 26 | 25 |
| | Khối lớp 7 | 714 | 26,0 | 25 | 25 |
| | Khối lớp 8 | 714 | 26,0 | 25 | 25 |
| | Khối lớp 9 | 592 | 21,4 | 21 | 25 |
| Trường THPT Thực hành Sư phạm - Cần Thơ | Khối lớp 10 | 144 | 31,5 | 26 | 33 |
| | Khối lớp 11 | 159 | 34,8 | 29 | 33 |
| | Khối lớp 12 | 154 | 33,7 | 28 | 34 |
| Trường THCS Nguyễn Du - Hậu Giang | Khối lớp 6 | 185 | 28,2 | 25 | 25 |
| | Khối lớp 7 | 164 | 25,0 | 22 | 25 |
| | Khối lớp 8 | 162 | 24,6 | 22 | 25 |
| | Khối lớp 9 | 146 | 22,2 | 19 | 25 |
| Trường THPT Lê Quý Đôn - Hậu Giang | Khối lớp 10 | 308 | 32,6 | 30 | 33 |
| | Khối lớp 11 | 321 | 33,9 | 31 | 33 |
| | Khối lớp 12 | 317 | 33,5 | 30 | 34 |
| Tổng quan sát | | | | 357 | 400 |

Ghi chú: *Cỡ mẫu được xác định theo công thức Slovin $n = \frac{N}{1+N(e)^2}$ (Subong & Beldia, 2005), $e = 10\%$ và N là tổng số học sinh của trường, sau đó được chia theo tỷ lệ của từng khối lớp.



Hình 1. Bản đồ vị trí các trường và hai điểm đến du lịch KBTNN Lung Ngọc Hoàng và TTNN Mùa Xuân

Ghi chú: 1) Trường THPT Lê Quý Đôn; 2) Trường THCS Nguyễn Du; 3) Trường THPT Thực Hành Sư Phạm và 4) Trường THCS Đoàn Thị Điểm

Sau đó, bảng câu hỏi cấu trúc được thiết kế để phỏng vấn trực tiếp học sinh về nhu cầu du lịch học tập của các trường đã chọn. Tổng số học sinh đã thực hiện trả lời trực tiếp bảng câu hỏi là 400 theo phương pháp chọn mẫu phi xác suất với sự hỗ trợ của nhà trường và giáo viên chủ nhiệm lớp. Tiêu chí và cơ cấu chọn mẫu vẫn đại diện cho đặc điểm của học sinh (giới tính, học lực, số học sinh trong lớp, số lớp trong khối và các khối lớp). Cỡ mẫu trên thỏa mãn cỡ mẫu tối thiểu theo công thức Slovin (công thức được ghi chú ở bảng 1) và cỡ mẫu này cũng đạt yêu cầu để thực hiện phân tích PCA và hồi quy Binary Logistic. Chi tiết về số học sinh tham gia trả lời ở mỗi khối lớp và trường được trình bày ở bảng 1.

3.2. Phân tích số liệu

Thống kê mô tả (trung bình, độ lệch chuẩn, tần số) để mô tả đặc điểm, nhu cầu du lịch chung và du lịch học tập của học sinh.

Hệ số tin cậy Cronbach's Alpha được thực hiện để loại bỏ các biến quan sát có mức độ tương quan thấp với các biến quan sát khác (các biến có hệ số tương quan biến tổng nhỏ hơn 0,3 sẽ bị loại bỏ và thang đo có độ tin cậy từ 0,6 trở lên được đánh giá có chất lượng tốt) (Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc, 2008).

Phân tích thành phần chính (Principal Component Analysis, PCA) được sử dụng để giảm thiểu số lượng biến quan sát thành các thành phần chủ yếu (Field, 2009) (nhóm nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch học tập của học sinh). Phân tích này cho phép các biến quan sát được đưa vào phân tích không phân biệt đơn vị đo.

Các bước trong phân tích thành phần chính gồm 1) xác định vấn đề nghiên cứu - nhận diện được các mục tiêu cụ thể của phân tích nhân tố, 2) xây dựng ma trận tương quan (ma trận phương sai - hiệp phương sai), 3) xác định các nhân tố chính dựa vào giá trị riêng (eigenvalue), những nhân tố nào có eigenvalue > 1 mới được giữ lại trong mô hình, 4) xoay các nhân tố - giải thích các nhân tố trên cơ sở nhận ra các biến có hệ số lớn ở cùng một nhân tố, loại đi những biến không quan trọng đối với nội dung nghiên

cứu, 5) giải thích các nhân tố - giải thích các nhân tố trên cơ sở nhận ra các biến có hệ số lớn ở cùng một nhân tố, 6) tính các nhân tố theo công thức $F_i = W_{i1}X_1 + W_{i2}X_2 + \dots + W_{ik}X_k$ (trong đó, F_i : ước lượng trị số của nhân tố thứ i ; W_i : quyền số hay trọng số nhân tố; k : số biến quan sát; X_i : biến quan sát).

Phân tích hồi quy Binary Logistic được sử dụng để tìm ra các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch học tập thông qua lựa chọn tham gia tour du lịch học tập hay du lịch thuần túy của học sinh. Đây là hai tour du lịch được thiết kế dựa vào việc lấy ý kiến của 20 giáo viên. Chi tiết về hai tour du lịch được trình bày ở phần 4.1.2 (nhu cầu du lịch học tập của học sinh). Các nhân tố ảnh hưởng bao gồm nhóm đặc điểm của học sinh và các nhóm nhân tố từ bước phân tích thành phần chính. Mô hình ước lượng như sau:

$$Y_i = \ln \frac{P_i}{(1-P_i)} = \beta_0 + \beta_1 X_1 + \dots + \beta_i X_i$$

Trong đó, Y_i là lựa chọn loại hình du lịch của học sinh ($Y_i = 1$ học sinh chọn chuyến du lịch học tập; $Y_i = 0$ học sinh chọn chuyến du lịch chung); β_i là hệ số của các biến giải thích (X_i). Các biến X_i sẽ được trình bày ở phần kết quả mô hình mục 4.4.

4. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

4.1. Đặc điểm của học sinh trường trung học cơ sở và trung học phổ thông ở thành phố Cần Thơ và tỉnh Hậu Giang

4.1.1. Đặc điểm của học sinh

Theo kết quả khảo sát, tỷ lệ học sinh nam ở trường THCS chiếm 39% và ở trường THPT chiếm 38,5%. Không có sự chênh lệch về tỷ lệ nam nữ giữa các trường THCS và THPT nhưng có sự chênh lệch về tỷ lệ nữ so với nam ở từng trường. Về học lực, học sinh đạt loại giỏi ở trường THCS chiếm 66,5% và ở trường THPT chiếm 47,5%. Đa số học sinh sinh sống gần trường học (trong địa bàn quận/huyện) ngoại trừ một số học sinh ở Hậu Giang, có nơi ở ngoài huyện (Ngã Bảy) hoặc ngoài tỉnh (tỉnh Sóc Trăng).

4.1.2. Nhu cầu du lịch học tập của học sinh

Thông qua việc lấy ý kiến giáo viên của các trường, nhóm nghiên cứu đã thiết kế hai chuyến du lịch dự kiến (du lịch học tập và du lịch chung) để học sinh lựa chọn và lấy ý kiến học sinh hình thức thiết kế chuyến tham quan. Thời gian của cả hai chuyến du lịch đều được tổ chức trong ngày (từ 7 giờ sáng đến 5 giờ chiều, khởi hành và kết thúc tại trường học của học sinh) và phương tiện đưa học sinh đi tham quan là xe ô tô. Chuyến du lịch học tập được thiết kế ngoài việc vui chơi, tham quan giải trí còn được thêm một số hoạt động nhằm tạo điều kiện cho học sinh được học tập thêm nhiều kiến thức cũng như tiếp xúc với thực tế như tìm hiểu về văn hóa, tìm hiểu về hệ thực vật, tham gia trò chơi liên quan đến ghi nhớ các loài động thực vật. Chuyến du lịch chung được thiết kế như một chuyến tham quan, giải trí đến khu du lịch sinh thái (DLST) thông thường mà các học sinh thường tham gia.

Tỷ lệ lựa chọn tour du lịch học tập của học sinh là 78%. Trong đó, học sinh trường THPT có tỷ lệ chọn tour du lịch học tập (87%) cao hơn học

sinh trường THCS (69%). Các học sinh lựa chọn du lịch học tập vì cho rằng tour du lịch học tập vừa thỏa mãn nhu cầu giải trí của tour du lịch thuần túy vừa cung cấp các thông tin phù hợp, hấp dẫn và bổ ích liên hệ với các môn học cho học sinh. Ngoài ra, tỷ lệ học sinh lựa chọn tour du lịch học tập nhiều do các trường tổ chức các chuyến tham quan thực tế cho học sinh còn hạn chế. Chỉ có 34,8% học sinh cho biết trường có tổ chức các chuyến tham quan thực tế cho học sinh ngoài giờ học. Tỷ lệ học sinh có tham gia chuyến tham quan thực tế của trường THPT (45%) cao hơn trường THCS (24,5%). Trong đó, trường THPT Thực hành Sư phạm tổ chức chuyến tham quan cho học sinh hàng năm. Tuy nhiên địa điểm tham quan còn hạn chế.

Chi tiết đề xuất của học sinh về tổ chức chuyến đi, học sinh lựa chọn xe ô tô hơn xe buýt. Học sinh thích tham gia du lịch với bạn bè và do nhà trường tổ chức do trường sẽ có quy mô, tổ chức chặt chẽ hơn, dễ nhận được sự đồng ý của phụ huynh cũng như có quỹ hỗ trợ từ phía nhà trường, qua đó học sinh có thể có thêm nhiều cơ hội kết bạn, giao lưu hơn.

Bảng 2. Thông tin chung về tour du lịch học tập của học sinh trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông thành phố Cần Thơ và tỉnh Hậu Giang (%)

| Thông tin về lựa chọn tour du lịch học tập | | Trường THCS (n = 200) | Trường THPT (n = 200) | Tổng (n = 400) |
|--|---------------------------|--------------------------|--------------------------|-------------------|
| Tour muốn tham gia | Tour du lịch học tập | 69,0 | 87,0 | 78,0 |
| | Tour du lịch chung | 31,0 | 13,0 | 22,0 |
| Phương tiện đi du lịch | Ô tô | 38,0 | 47,5 | 42,8 |
| | Xe buýt | 37,5 | 31,5 | 34,5 |
| | Xe máy | 13,0 | 10,0 | 11,5 |
| | Tàu thủy | 11,5 | 11,0 | 11,2 |
| Đối tượng tham gia | Bạn bè | 49,5 | 65,0 | 57,2 |
| | Trường, lớp | 41,0 | 31,0 | 36,0 |
| | Gia đình, người thân | 6,5 | 1,5 | 4,0 |
| | Một mình | 3,0 | 2,5 | 2,8 |
| Hình thức tổ chức du lịch | Theo trường | 46,5 | 38,5 | 42,5 |
| | Theo nhóm bạn bè | 30,0 | 29,0 | 29,5 |
| | Theo lớp | 18,0 | 25,5 | 21,8 |
| | Theo gia đình, người thân | 3,5 | 2,0 | 3,5 |
| | Cá nhân | 2,0 | 5,0 | 2,7 |

Nguồn: Số liệu điều tra, 2016

Chi phí của một chuyến du lịch là 300.000 đồng/học sinh ở Cần Thơ và 200.000 đồng/học sinh ở Hậu Giang do lựa chọn phương tiện di chuyển của học sinh là ô tô. Nếu các tour du lịch trên sử dụng xe buýt, chi phí của chuyến du lịch có thể giảm từ 30.000 - 70.000 đồng/học sinh. Yêu cầu của học sinh và giáo viên là phương tiện giao thông phải đảm bảo sự an toàn, tài xế cần nhiệt tình vui vẻ và hướng dẫn viên cần có đầy đủ kiến thức, nhiệt tình, hòa đồng và vui tính để tạo nên sự hứng thú cho chuyến tham quan học tập.

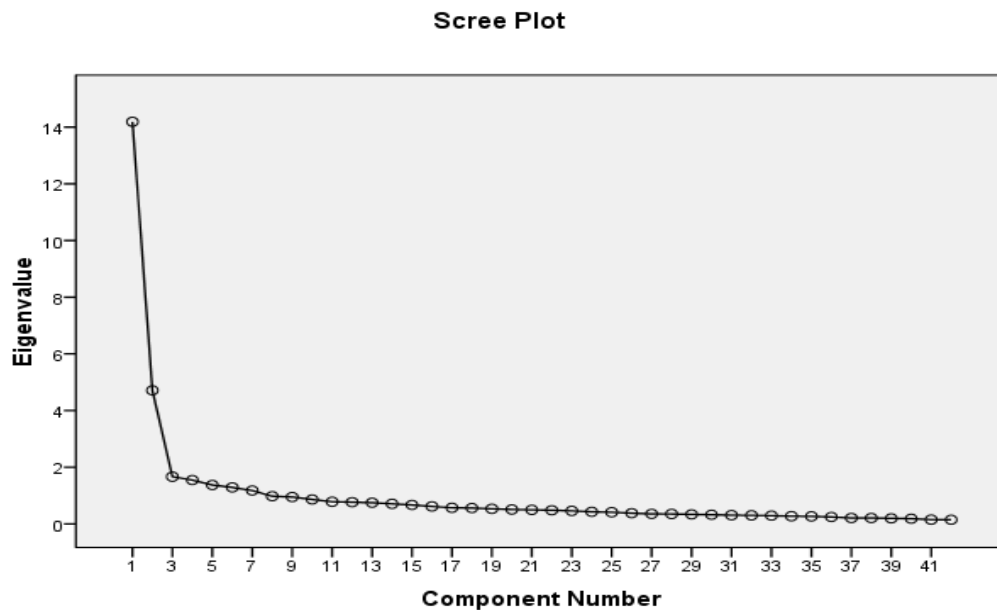
4.3. Kết quả phân tích nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch học tập của học sinh bằng phân tích thành phần chính

Sau khi 50 câu phát biểu về du lịch học tập được thực hiện kiểm định Cronbach Alpha, chỉ có 45 câu phát biểu thỏa điều kiện (hệ số tương quan > 0,6) để được tiếp tục thực hiện phân tích thành phần chính. Các câu phát biểu được nhóm lại theo nhóm nhân tố/thành phần chính từ kết quả phân tích thành phần chính (6 bước) sẽ là các nhóm nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch học tập của học sinh.

Hình 2 thể hiện giá trị riêng (eigenvalue)

của các thành phần (component number) được biểu diễn theo độ dốc (scree plot). Các thành phần hay nhóm nhân tố chính sẽ có độ dốc lớn và khi hết độ dốc các nhân tố còn lại có giá trị riêng nhỏ hơn 1. Hình 2 cho thấy bảy (7) thành phần chính đầu tiên có giá trị riêng lớn hơn 1 và mô tả được 62% phương sai tích lũy. Trong đó, nhóm yếu tố về kỳ vọng đối với khu du lịch sinh thái (N1) và nhóm yếu tố về giáo dục thái độ đối với môi trường (N2) đóng góp 45% phương sai tích lũy.

Kết quả kiểm định cho hệ số KMO = 0,94 lớn hơn 0,5 có ý nghĩa là phân tích nhân tố phù hợp; với tiêu chuẩn nhân tố có giá trị riêng lớn hơn 1 (Eigenvalue = 1,18) được giữ lại; giá trị tổng phương sai trích = 62% > 50% đạt yêu cầu. Từ kết quả mô hình, chỉ có những thành phần từ 1 đến 7 là được giữ lại trong mô hình phân tích (gồm 42 biến quan sát). Có 7 nhóm nhân tố mới được hình thành từ các biến quan sát ban đầu là kỳ vọng đối với khu du lịch sinh thái (N1), giáo dục và thái độ đối với môi trường (N2), mục đích du lịch học tập (N3), loại hình du lịch học tập (N4), kinh nghiệm du lịch sinh thái (N5), kiến thức về môi trường (N6) và thông tin điểm đến (N7) (Bảng 4).



Hình 2. Giá trị riêng của các thành phần được biểu diễn theo độ dốc

Yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch học tập của học sinh: Nghiên cứu trường hợp tại trung tâm nông nghiệp Mùa Xuân và khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng

Bảng 3. Ma trận xoay nhân tố của các yếu tố ảnh hưởng nhu cầu du lịch học tập của học sinh

| Tên biến quan sát | Nhóm nhân tố | | | | | | |
|--|--------------|------|------|------|------|------|------|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| Đài quan sát an toàn | 0,74 | | | | | | |
| Phòng trưng bày các loài động thực vật | 0,72 | | | | | | |
| Có đầy đủ áo phao khi tham quan trên sông | 0,71 | | | | | | |
| An ninh tại khu bảo tồn | 0,64 | | | | | | |
| Có các hoạt động vui chơi giải trí | 0,64 | | | | | | |
| Khám phá khu bảo tồn thiên nhiên | 0,63 | | | | | | |
| Đi đường mòn giữa rừng và trải nghiệm | 0,60 | | | | | | |
| Sự đa dạng các loài thực vật trong rừng | 0,56 | | | | | | |
| Sự đa dạng các loài động vật trong rừng | 0,53 | | | | | | |
| Phong cảnh tự nhiên đẹp | 0,53 | | | | | | |
| Độ cao đài quan sát thích hợp xem toàn cảnh | 0,50 | | | | | | |
| Luôn nhắc nhở khi ai làm hại môi trường | | 0,80 | | | | | |
| Thầy cô thường giảng dạy kiến thức về môi trường | | 0,78 | | | | | |
| Trường thường tổ chức trồng, chăm sóc cây | | 0,77 | | | | | |
| Luôn giữ gìn vệ sinh môi trường tại trường, lớp, nơi sinh sống | | 0,72 | | | | | |
| Gia đình dạy ý thức tiết kiệm năng lượng như điện, nước | | 0,72 | | | | | |
| Tích cực tham gia hoạt động bảo vệ môi trường | | 0,72 | | | | | |
| Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của mọi người | | 0,69 | | | | | |
| Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên là quan trọng | | 0,68 | | | | | |
| Môi trường bao gồm yếu tố tự nhiên và vật chất bao quanh con người, có ảnh hưởng đến sự tồn tại, phát triển của con người và thiên nhiên | | 0,43 | | | | | |
| Hiểu về thực tế môi trường xung quanh | | | 0,73 | | | | |
| Củng cố kiến thức qua quá trình thực nghiệm | | | 0,71 | | | | |
| Nâng cao kỹ năng qua quá trình du lịch học tập | | | 0,71 | | | | |
| Có được kinh nghiệm cho chuyến tham quan sau | | | 0,64 | | | | |
| Khám phá điều mới lạ trong quá trình du lịch học tập | | | 0,64 | | | | |
| Phương pháp học mới lạ tạo hứng thú cho việc học | | | 0,59 | | | | |
| Chương trình học ảnh hưởng quyết định du lịch học tập | | | 0,55 | | | | |
| Thích hợp điểm đến là rừng để tìm hiểu động thực vật | | | | 0,74 | | | |
| Thích hợp điểm đến là rừng để tìm hiểu văn hóa, cộng đồng dân cư địa phương | | | | 0,72 | | | |
| Thích hợp điểm đến là rừng để tìm hiểu ẩm thực địa phương | | | | 0,62 | | | |
| Thích hợp điểm đến là rừng để tìm hiểu sinh vật quý hiếm | | | | 0,56 | | | |
| Có trạm dừng chân nghỉ ngơi giữa rừng | | | | | 0,74 | | |
| Xuồng máy đầy đủ, sẵn sàng đáp ứng | | | | | 0,71 | | |
| Thùng rác để nơi thuận tiện | | | | | 0,68 | | |
| Nhà vệ sinh sạch sẽ | | | | | 0,62 | | |
| Hành vi đào bới khoáng sản, chặt phá rừng, săn bắt thú rừng bừa bãi là hành vi phá hoại môi trường | | | | | | 0,72 | |
| Ô nhiễm môi trường không những ảnh hưởng đến đời sống động thực vật mà còn ảnh hưởng đến đời sống con người | | | | | | 0,65 | |
| Săn bắt động vật quý hiếm là vi phạm pháp luật | | | | | | 0,64 | |
| Hệ sinh thái rừng đặc dụng, các loài động vật quý hiếm | | | | | | | 0,77 |
| Hoạt động vui chơi, tham quan giải trí | | | | | | | 0,67 |
| Cơ sở vật chất, vị trí, phương tiện di chuyển, độ an toàn | | | | | | | 0,58 |
| Tính liên kết giữa các địa điểm du lịch | | | | | | | 0,58 |
| Giá trị riêng (Eingenvalue) | 14,19 | 4,71 | 1,67 | 1,55 | 1,37 | 1,29 | 1,18 |
| Tỷ lệ tích lũy của tổng phương sai | 0,34 | 0,45 | 0,50 | 0,55 | 0,56 | 0,59 | 0,62 |
| Tổng phương sai trích | | | | | | | 0,62 |
| Hệ số KMO | | | | | | | 0,94 |
| Số quan sát | | | | | | | 400 |

Bảng 4. Nhóm các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch học tập của học sinh từ phân tích thành phần chính

| Nhóm nhân tố* | Tên nhân tố | Trung bình | Độ lệch chuẩn | Đánh giá** |
|---------------|--|------------|---------------|------------|
| N1 (1-11) | Kỳ vọng đối với khu DLST | 3,68 | 1,17 | Ảnh hưởng |
| N2 (12-20) | Giáo dục và thái độ đối với môi trường | 4,01 | 0,94 | Đồng ý |
| N3 (21-27) | Mục đích du lịch học tập | 3,56 | 1,19 | Ảnh hưởng |
| N4 (28-31) | Loại hình du lịch học tập | 3,45 | 1,22 | Ảnh hưởng |
| N5 (32-35) | Kinh nghiệm DLST | 3,50 | 1,09 | Ảnh hưởng |
| N6 (36-38) | Kiến thức về môi trường | 4,13 | 1,14 | Đồng ý |
| N7 (39-42) | Thông tin điểm đến | 3,50 | 1,18 | Ảnh hưởng |

Ghi chú: * Số trong dấu ngoặc đơn của nhóm nhân tố là thứ tự biến quan sát của từng nhóm (Bảng 3);

** Cách đánh giá dựa vào thang đo Likert 5 mức độ (1 - 1,8: rất không ảnh hưởng/rất không đồng ý; 1,81 - 2,6: không ảnh hưởng/ không đồng ý; 2,61 - 3,4: trung lập; 3,41 - 4,2: ảnh hưởng/ đồng ý; 4,21 - 5: rất ảnh hưởng/ rất đồng ý).

4.4. Kết quả phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch học tập bằng mô hình hồi quy Binary Logistic

Bảng 5 trình bày kết quả kiểm định các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch học tập và du lịch chung của học sinh thành phố Cần Thơ và tỉnh Hậu Giang tại Trung tâm nông nghiệp Mùa Xuân và khu BTTN Lung Ngọc Hoàng. Mô hình hồi quy được xây dựng có ý nghĩa thống kê vì kết quả kiểm định Chi bình phương có giá trị $\text{Sig.}=0,000<0,05$. Chỉ tiêu $-2LL$ ($-2 \log \text{likelihood}$) = 287,851 thể hiện một độ phù hợp khá tốt của mô hình tổng thể. Kết quả kiểm định cho thấy, trong 13 biến độc lập đưa vào phân tích thì có 9 biến độc lập X_1 (giới tính), X_2 (học lực), X_3 (thành phố), X_5 (khối lớp 12), N_1 (kỳ vọng đối với khu DLST), N_2 (giáo dục và thái độ đối với môi trường), N_3 (mục đích du lịch học tập), N_4 (loại hình du lịch học tập) và N_5 (kinh nghiệm DLST) có ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch học tập của học sinh (mức ý nghĩa 10%, 5% và 1%).

Các yếu tố thuộc về đặc điểm của học sinh (giới tính, học lực, khối lớp 12) có ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch học tập của học sinh. Kết quả này tương ứng với các nghiên cứu của Dolicar,

2010; Sander, 2012 và Strobl, 2015. Tuy nhiên, yếu tố thành phố lại có ảnh hưởng trái với kỳ vọng của tác giả, học sinh đến từ tỉnh Hậu Giang, nơi ở gần hai khu du lịch, có nhu cầu về du lịch học tập do biết về điểm đến nhiều hơn học sinh ở Cần Thơ.

Giáo dục và thái độ đối với môi trường (N_2) có mối tương quan cùng chiều với xác suất có nhu cầu du lịch học tập của học sinh (Dolicar, 2010; Đinh Kiệm, 2013; Strobl, 2015). Kết quả trên cho thấy khi nhà trường, thầy cô cũng như gia đình có sự giáo dục về môi trường tốt cho học sinh sẽ dẫn đến thái độ của học sinh đối với môi trường tốt hơn, từ đó hình thành nên nhu cầu du lịch học tập của học sinh.

Kỳ vọng đối với khu DLST hay điểm đến (N_1) và mục đích du lịch học tập (N_3) có mối tương quan cùng chiều với xác suất có nhu cầu du lịch học tập của học sinh (Sander, 2012; Sangpikul, 2008; Strobl, 2015). Các yếu tố như sự an toàn tại khu du lịch, được khám phá đặc điểm thiên nhiên của khu bảo tồn, tham quan phòng trưng bày,... (N_1) và mục đích học tập từ việc đi du lịch (củng cố kiến thức, nâng cao kỹ năng,..., N_3) sẽ hấp dẫn học sinh đến khu du lịch để tham quan và học tập.

Yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch học tập của học sinh: Nghiên cứu trường hợp tại trung tâm nông nghiệp Mùa Xuân và khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng

Bảng 5. Các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch học tập và du lịch chung của học sinh tại Trung tâm nông nghiệp Mùa Xuân và khu bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng

| Biến số | Tên biến | Nhu cầu du lịch học tập | | |
|----------------------------------|--|-------------------------|--------------|--------------------|
| | | Hệ số Beta (B) | Sai số chuẩn | Hệ số biên (dY/dX) |
| X ₁ | Giới tính (1: nam và 0: nữ) | 0,541* | 0,324 | 0,093 |
| X ₂ | Học lực (1: giỏi; 0: khá và trung bình) | 0,583* | 0,317 | 0,100 |
| X ₃ | Thành phố (1: Cần Thơ, 0: Hậu Giang) | -1,468*** | 0,364 | -0,252 |
| X ₄ | Khối lớp 9 (1: lớp 9, 0: các khối còn lại) | -0,386 ^{ns} | 0,453 | |
| X ₅ | Khối lớp 12 (1: lớp 12, 0: các khối còn lại) | 2,117*** | 0,717 | 0,363 |
| X ₆ | Trường (1: trường THCS, 0: trường THPT) | -0,071 ^{ns} | 0,392 | |
| N ₁ | Kỳ vọng đối với khu DLST (Điểm giá trị nhân số đại diện cho nhân tố) | 0,756*** | 0,149 | 0,130 |
| N ₂ | Giáo dục và thái độ đối với môi trường (Điểm giá trị nhân số đại diện cho nhân tố) | 0,803*** | 0,154 | 0,138 |
| N ₃ | Mục đích du lịch học tập (Điểm giá trị nhân số đại diện cho nhân tố) | 0,570*** | 0,152 | 0,098 |
| N ₄ | Loại hình du lịch học tập (Điểm giá trị nhân số đại diện cho nhân tố) | 0,836*** | 0,156 | 0,143 |
| N ₅ | Kinh nghiệm DLST (Điểm giá trị nhân số đại diện cho nhân tố) | 0,268* | 0,152 | 0,046 |
| N ₆ | Kiến thức về môi trường (Điểm giá trị nhân số đại diện cho nhân tố) | 0,211 ^{ns} | 0,149 | |
| N ₇ | Thông tin điểm đến (Điểm giá trị nhân số đại diện cho nhân tố) | 0,193 ^{ns} | 0,160 | |
| Hằng số | | 1,878*** | 0,370 | |
| Số quan sát | | | 400 | |
| -2 log likelihood | | | 287,851 | |
| Hệ số Cox & Snell R ² | | | 0,284 | |
| Hệ số Nagelkerke R ² | | | 0,436 | |

Ghi chú: *, ** và *** có ý nghĩa ở mức 10%, 5% và 1% và ^{ns} không có ý nghĩa thống kê ở mức 10%

5. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

5.1. Kết luận

Nghiên cứu trên đã xây dựng được thang đo về yếu tố ảnh hưởng đến du lịch học tập của học sinh gồm 7 nhóm nhân tố với 42 biến quan sát. Kết quả phân tích hồi quy Binary logistic cho thấy có 9 nhân tố có ảnh hưởng đến nhu cầu du lịch học tập của học sinh.

Kỳ vọng của học sinh về điểm đến (đài quan sát có độ cao phù hợp và an toàn, phòng trưng bày các loài động thực vật, có áo phao khi quan sát

trên sông, đa dạng các loài động thực vật) và kinh nghiệm của học sinh về điểm đến (có trạm dừng chân giữa rừng, có đầy đủ phương tiện vận chuyển khách du lịch, có thùng rác và nhà vệ sinh) là các nhóm yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến du lịch học tập. Vì vậy, để khai thác du lịch học tập hiệu quả, hai điểm đến cần trang bị cơ sở vật chất và sản phẩm du lịch theo các yêu cầu trên.

Ngoài ra, TTNN Mùa Xuân và KBTTN Lung Ngọc Hoàng cần quảng bá thông tin cụ thể về việc khai thác hình thức du lịch học tập cho học sinh cấp 2 và 3. Vì vậy, các kênh thông tin

gồm website riêng và giới thiệu trực tiếp đến các trường về khai thác du lịch học tập cần được kết hợp. Website cần có thông tin các tour du lịch học tập sao cho hấp dẫn người xem, đặc biệt mỗi năm nên gửi thông tin đến các trường về các chuyến đi dành cho học sinh. Thực hiện các chương trình khuyến mãi ưu tiên cho các trường như giá cả ưu đãi, trong tour du lịch học tập cần đánh bật lên những điểm mới nổi bật tại nơi đến. Để thiết kế các tour du lịch đúng theo nhu cầu học tập của học sinh, ban quản lý cũng nên cập nhật hàng năm các yêu cầu đặc biệt các trường, môn học và học sinh (số học sinh tham gia, cách hướng dẫn, thời gian tham quan, thời gian lưu trú, phương tiện di chuyển,...). Thực hiện ký kết chính thức với các trường về tổ chức du lịch học tập cho học sinh cũng giúp khai thác du lịch học tập hiệu quả cho cả nơi khai thác du lịch và học sinh.

Lồng ghép giáo dục môi trường trong các tour du lịch học tập và hoạt động giảng dạy của nhà trường nhằm nâng cao hiểu biết và thái độ của học sinh đối với môi trường cũng sẽ làm tăng hứng thú học tập của học sinh khi tham gia các tour du lịch học tập.

5.2. Kiến nghị

Để tổ chức tốt hơn hoạt động du lịch học tập tại TTNN Mùa Xuân và KBTTN Lung Ngọc Hoàng, đội ngũ nhân viên và đối tượng tham gia khai thác du lịch cần được tập huấn cách tổ chức du lịch; tạo điều kiện cho cộng đồng địa phương tham gia khai thác các hoạt động du lịch như homestay, ăn uống. Bên cạnh đó, TTNN Mùa Xuân và KBTTN Lung Ngọc Hoàng cần ban hành các văn bản, xử lý nghiêm trường hợp săn bắt cá, động thực vật, lấy mật ong gây nguy cơ cháy rừng và làm cạn kiệt nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường đối với cộng đồng địa phương và khách du lịch.

Các trường phổ thông cơ sở và phổ thông trung học nên có kế hoạch tổ chức chính thức các chuyến du lịch học tập cho học sinh và từng bước đề xuất xin phép Bộ Giáo dục và Đào tạo lồng ghép hoạt động này vào chương trình học của học sinh.

LỜI CẢM ƠN

Tác giả chân thành cảm ơn cô Dương Quế Nhu, Khoa Kinh tế, Trường đại học Cần Thơ, ban quản lý TTNN Mùa Xuân và KBTTN Lung Ngọc Hoàng, Ban giám hiệu các trường Đoàn Thị Điểm, Thực hành sư phạm, Nguyễn Du, Lê Quý Đôn và sinh viên ngành kinh tế tài nguyên thiên nhiên (Nguyễn Thị Cẩm Giang, Phùng Quốc Nguyên, Nguyễn Văn Dự, Lê Kim Thơ) đã hỗ trợ thực hiện nghiên cứu và thu thập số liệu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bhuiyan, M. A. H., Islam, R., Siwar, C. and Ismail, S. M. (2010). Educational tourism and forest conservation: Diversification for child education. *Procedia-Social and Behavioral Science*, 7: 19-23.
- Đình Kiệt (2013). Phát triển du lịch sinh thái ở các tỉnh vùng Duyên hải cực Nam Trung Bộ đến năm 2020. Luận án tiến sĩ. Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh.
- Dolnicar, S. (2010). Identifying tourists with smaller environmental footprints. *Journal of Sustainable Tourism*, 18: 717-734.
- Field, A. (2009). *Discovering Statistics Using SPSS*. 3rd ed. CA: Sage Publications.
- Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS, tập 1 và 2. Nhà xuất bản Hồng Đức.
- Kim, W. G., Kim, T. T., Gazzoli, G., Park, Y., Kim, S. H., and Park, S. S. (2011). Factors affecting the travel expenditure of visitors to Macau, China. *Tourism Economics*, 17(4): 857-883.
- Lâm Vũ (2016). Du lịch học tập: Chưa tận dụng được lợi ích kép. Báo Hà Nội mới. Tháng 3/2016. <http://hanoimoi.com.vn/Tin-tuc/Du-lich/828517/du-lich-hoc-tap-chua-tan-dung-duoc-loi-ich-kep>.
- Lê Huy Bá (2000). Sinh thái môi trường học cơ bản. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.
- Lee, W.H. and Moscardo, G. (2005). Understanding the impact of ecotourism resort experiences on tourists' environmental attitudes and behavioural intentions. *Journal of Sustainable Tourism*, 13: 546-565.
- MTV Travel (2017). Giới thiệu các tour học đường. <http://mtvtravel.com.vn/tour-hoc-duong.html>.
- Nguyen, T. H. and Pham, T. M. L. (2015). The Influence of Tourism Motivation to Foreign Tourist's Intention to Engage in Vietnam

- Ecotourism. *International Journal of Culture and Tourism Research*, 8: 60-69.
- Poupineau, S., and Pouzadoux, C. (2013). Internal and External factors that influence the ecotourists: A study on green consumer behavior, applied to ecotourism.
- Ritchie, B. W., and Coughlan, D. (2004). Understanding school excursion planning and constraints: An Australian case study. *Tourism Review International*, 8(2): 113-126.
- Ritchie, B. W. (2003). *Managing educational tourism*. Vol. 10. Channel View Publications.
- Samah, A. A., Ahmadian, M., Gill, S. S., and Hendijani, R. B. (2012). Factors affecting educational tourism development among local communities in the Klang Valley, Malaysia. *Life Science Journal*, 9(4): 3298-3303.
- Sander, B. (2012). The importance of education in ecotourism ventures: lessons from Rara Avis ecolodge, Costa Rica. *International Journal of Sustainable Society*, 4(4): 389-404.
- Sangpikul, A. (2008). Travel Motivations and Tourist Behaviors: A Case of Korean Travelers to Thailand. *Turizam: znanstveno-stručni časopis*, 56(1): 23-40.
- Strobl, A., Teichmann, K., and Peters, M. (2015). Do mountain tourists demand ecotourism? Examining moderating influences in an Alpine tourism context. *Original scientific paper*, 63: 383-398.
- Subong, P. E., Jr. and Beldia, M.D. (2005). *Statistics for Research, Thesis and Dissertation Writing, and Statistical Data Management using SPSS Software*. Rex Book Store, Inc. pp.17.